

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: anh Lâm Trường T, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn LT2, xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: chị Phạm Thị N, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn LS1, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất chị Phạm Thị N còn nợ của anh Lâm Trường T tổng số tiền 232.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng), trong đó gồm các khoản nợ:

- Khoản nợ tiền góp huê của dây huê thứ nhất: Chị Phạm Thị N tham gia 03 phần huê trong dây huê gồm 13 phần huê, bắt đầu dây huê vào ngày 25/8/2021 Âm lịch đến ngày 25/8/2022 Âm lịch thì kết thúc dây huê, mỗi phần huê góp hàng tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), kỳ mở huê vào ngày 25 Âm lịch hàng tháng. Chị N lĩnh huê vào tháng 3/2022 Âm lịch, số tiền lĩnh huê là 100.000.000 đồng. Do chị N không góp huê các tháng 6/2022 Âm lịch, tháng 7/2022 Âm lịch, tháng 8/2022 Âm lịch nên anh T là chủ huê đã góp thay chị N 03 phần huê cho các thành viên khác đối với các tháng này. Vì vậy, chị N còn nợ anh T tiền góp huê do anh T đã góp thay chị N đối với dây huê này là 90.000.000 đồng

(Chín mươi triệu đồng) (cách tính: 03 phần x 3 tháng x 10.000.000 đồng). Anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp huê trên thời gian chậm góp.

- Khoản nợ tiền góp huê của dây huê thứ hai: Chị Phạm Thị N tham gia 02 phần huê trong dây huê gồm 12 phần huê, bắt đầu dây huê vào ngày 06/9/2021 Âm lịch đến ngày 06/8/2022 Âm lịch thì kết thúc dây huê, mỗi phần huê góp hàng tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), kỳ mở huê vào ngày 06 Âm lịch hàng tháng. Chị N lĩnh huê vào tháng 01/2022 Âm lịch, số tiền lĩnh huê là 47.000.000 đồng. Chị N không góp huê các tháng 6/2022 Âm lịch, tháng 7/2022 Âm lịch, tháng 8/2022 Âm lịch nên anh T là chủ huê đã góp thay chị N 02 phần huê cho các thành viên khác đối với các tháng này. Vì vậy, chị N còn nợ anh T tiền góp huê do anh T đã góp thay chị N đối với dây huê này là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) (cách tính: 2 phần x 3 tháng x 6.000.000 đồng). Anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp huê trên thời gian chậm góp.

- Khoản nợ tiền góp huê của dây huê thứ ba: Chị Phạm Thị N tham gia 01 phần huê trong dây huê gồm 12 phần huê, bắt đầu dây huê ngày 10/4/2022 Âm lịch đến ngày 10/3/2023 Âm lịch thì kết thúc dây huê, mỗi phần huê góp hàng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kỳ mở huê vào ngày 10 Âm lịch hàng tháng. Chị N lĩnh huê vào tháng 4/2022 Âm lịch, số tiền lĩnh huê là 41.000.000 đồng. Chị N không góp huê các tháng 5/2022 Âm lịch, tháng 6/2022 Âm lịch, tháng 7/2022 Âm lịch, tháng 8/2022 Âm lịch, tháng 9/2022 Âm lịch, tháng 10/2022 Âm lịch nên anh T là chủ huê đã góp thay chị N 01 phần huê cho các thành viên khác đối với các tháng này. Vì vậy, chị N còn nợ anh T tiền góp huê do anh T đã góp thay chị N đối với dây huê này là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) (cách tính: 01 phần x 6 tháng x 5.000.000 đồng). Anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp huê trên thời gian chậm góp. Do dây huê này chưa kết thúc nên chị N cam kết sẽ góp huê đầy đủ từ tháng 11/2022 Âm lịch cho đến khi kết thúc dây huê. Vì vậy, anh T không yêu Tòa án giải quyết số tiền góp huê của chị N trong dây huê này từ tháng 11/2022 Âm lịch cho đến khi kết thúc dây huê trong vụ án này.

- Khoản nợ đã mượn theo Giấy mượn tiền mặt ngày 22/5/2022 Âm lịch: Chị Phạm Thị N còn nợ anh Lâm Trường T 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng). Anh T không yêu cầu tính lãi.

Anh Lâm Trường T thống nhất yêu cầu chị Phạm Thị N trả số tiền 232.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng); Chị Phạm Thị N đồng ý trả cho anh Lâm Trường T số tiền 232.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng) theo yêu cầu của anh Lâm Trường T. Anh T thống nhất không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho anh Lâm Trường T 6.575.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001445 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tâm